TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18 /2020/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 15 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số số 478/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
- Ông **Phan Thanh S** – Sinh năm 1983
- Bà **Phạm Thị Ánh S1** - Sinh năm 1984

Cùng trú tại: Số 03 Đà S, phường H, quận L, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống 03 phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống bà S1 và ông S thường xuyên cãi vã, không tìm thấy tiếng nói chung, hai bên nội ngoại không đồng tình, khác biệt về tính cách, không chung quan điểm sống nên bà S1 và ông S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, bà S1 và ông S đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp

dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà S1 và ông S.

[2] Về con chung:

Bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S xác nhận có 02 con chung là Phan Thanh Duy – sinh ngày 29.07.2006 và Phan Duy Bảo – sinh ngày 16.01.2011. bà S1 và ông S thống nhất: Giao con chung cho bà Phạm Thị Ánh S1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Phan Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng 4.000.000 đồng/02 con/một tháng (mỗi con 2.000.000đồng/tháng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng là vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 02.2020 đến khi hai con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của các con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S xác nhận không có.

[5] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2006 ngày 09.3.2006 của Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S xác nhận có 02 con chung là Phan Thanh Duy – sinh ngày 29.07.2006 và Phan Duy Bảo – sinh ngày 16.01.2011. bà S1 và ông S thống nhất: Giao con chung cho bà Phạm Thị Ánh S1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Phan Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng 4.000.000 đồng/02 con/một tháng (mỗi con 2.000.000đồng/tháng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng là vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 02.2020 đến khi hai con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Ánh S1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Thanh S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán .

- *Về tài sản chung:* Bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S xác nhận không có.

- *Về nợ chung*: Bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) bà Phạm Thị Ánh S1 và ông Phan Thanh S nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004147 ngày 26.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND phường Chính Gián, quận T, thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hồng Thủy